

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **18/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 18/6/2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thu Trang

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Bà Thái Thị Dung

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 597/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** ông Nguyễn Ngọc Duy B, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

*** *Bị đơn:*** bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1988

Địa chỉ: dân phố 20, khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Duy B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Thanh S tự nguyện sống chung với nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01, ngày 23/6/2006. Vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ ruột ông tại khu phố N, phường M, thành phố P; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng sống không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra trong đời sống hằng ngày bà S thường xuyên cự cãi với mẹ ông nên bà S đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại thị trấn P, huyện T sinh sống từ năm 2010 cho đến nay; ông đã nhiều lần về năn nỉ để được vợ chồng đoàn tụ nhưng bà S kiên quyết không chịu về sống chung với ông nữa. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh S.

Về con chung: ông và bà S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 30/12/2007, hiện nay cháu Vân đang ở với ông nên ông xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và ông không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai.

*** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh S:**

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị Thanh S tại nhà ở dân phố 20, khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng vẫn không liên lạc được với bà S, tại phiên tòa hôm nay bà S tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Duy B đối với bà Nguyễn Thị Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú tại dân phố 20, khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Duy B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng

hợp lệ cho bị đơn Nguyễn Thị Thanh S nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà S vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Duy B, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc Duy B và bà Nguyễn Thị Thanh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển số 01, ngày 23/6/2006 nên là hôn nhân hợp pháp, ông B có đơn xin ly hôn nên áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của ông B cho thấy đời sống chung của ông B, bà S không hạnh phúc do bà Nguyễn Thị Thanh S đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại dân phố 20, khu phố Xuân Giang, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống từ năm 2010 cho đến nay dù ông yêu cầu để vợ chồng được đoàn tụ nhưng bà S kiên quyết không chịu về sống chung với ông, điều đó chứng tỏ bà S đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: ông B và bà S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 30/12/2007, hiện nay đang ở với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy cháu V ở với ông B từ khi bà S bỏ đi từ năm 2010 cho đến nay, ông B đã nuôi dưỡng và giáo dục cháu đảm bảo các điều kiện phát triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu Vân xin được tiếp tục sống cùng cha nên giao cháu Vân cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; ông B không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông Nguyễn Ngọc Duy B khai, trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Duy B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc Duy B được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh S.

- Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 30/12/2007 cho ông Nguyễn Ngọc Duy B tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Ông B không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Ông B không được ngăn cản bà S việc chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: không có.

- Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Duy B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông B đã nộp tại biên lai thu số 0019750, ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông Nguyễn Ngọc Duy B đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Duy B là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/6/2019), bà Nguyễn Thị Thanh S là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Trang